

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH HY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:127/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2021

Về việc “ly hôn và nuôi dưỡng con
chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL – TỈNH HY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kháng

2. Ông Lê Q Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc “ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987, vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2010. Cháu H1 là con của chị T và anh H. Người giám hộ cho cháu H1 là chị T và anh H.

Cùng có HKTT: Thôn XD, xã LT, huyện VL, tỉnh HY.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1957, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn XD, xã LT, huyện VL, tỉnh HY.

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967, vắng mặt.

Địa chỉ: xã PT, huyện KD, tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2021 và lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã LT ngày 26/02/2009. Sau ngày cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian sau đó anh H chơi bời cờ bạc và ngoại tình. Từ năm 2018 anh H bỏ đi với người phụ nữ khác, không còn quan tâm, thăm hỏi gì đến chị nữa. Vợ chồng chị sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo nhưng anh H không về nên sau đó chị và anh H cũng không còn liên lạc với nhau nữa. Chị T xác định chị không còn tình cảm với anh H nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung, chị T trình bày vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2010. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, chị T xác định vợ chồng chị có xây dựng được một ngôi nhà ở hai tầng trên diện tích đất ở của bố mẹ chồng chị tại thôn XD, xã LT, huyện VL, tỉnh HY nhưng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ, chị T xác định vợ chồng chị không có công nợ với ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức, chị T xác định chị không có công sức gì với gia đình chồng nên chị không đề nghị giải quyết.

Về đất ruộng nông nghiệp, chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do tại tất cả những lần Tòa án triệu tập nên không có quan điểm của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Hoàng H1 có lời khai thể hiện nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ (T) nếu như bố mẹ cháu ly hôn.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Q có lời khai thể hiện: Ông là bố đẻ của anh H, là bố chồng của chị T. H con ông là anh H và chị T kết hôn với nhau là tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng anh H có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh H và chị T không sống cùng nhau từ năm 2018 cho đến nay. Ông và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh H không về nên vợ chồng không đoàn tụ. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H có chơi bời cờ bạc, thua, nợ dẫn đến vợ chồng cãi nhau và anh H bỏ đi từ năm 2018 không về với vợ nữa. Quan điểm của ông Q đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị được ly hôn với anh H. Hiện nay anh H đang sinh sống ở miền Nam nhưng địa chỉ không cố định nên không cung cấp cho ông biết. Ông và anh H vẫn liên lạc với nhau thường xuyên nên ông cũng đã thông báo cho anh H được biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn cho vợ chồng anh. Anh H có nói với

ông do dịch Covid nên anh không thể về được, quan điểm của anh H đồng ý ly hôn và để cho vợ nuôi con.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt anh H không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với các đương sự, chị T đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh H vắng mặt không có lý do tại các lần Tòa án triệu tập, vắng mặt tại phiên họp hòa giải và tại các phiên tòa nên xác định anh H không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị T ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 28/02/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

Về công nợ chung; Tài sản chung; Công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, Hội đồng xét xử nhận định:

I/ Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt bị đơn là anh H. Đây là lần thứ hai tòa án mở lại phiên tòa nhưng anh H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

II/ Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT ngày 26/02/2009, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện của chị T và anh H nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị T, ông Q và bà Nguyễn Thị D là mẹ đẻ của chị T thì thấy: Sau khi tổ chức hôn lễ, vợ chồng chị T có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau có nguyên nhân do anh H chơi bời cờ bạc, thua nợ và ngoại tình. Anh H bỏ nhà đi từ năm 2018, vợ chồng anh chị không ở cùng nhà, sống ly thân kể từ đó cho đến nay. Mặc dù gia đình hai bên có khuyên giải nhưng anh H không về, vợ chồng không đoàn tụ, không còn quan tâm, chăm sóc nhau kể từ năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án anh H cũng đều vắng mặt nên Tòa án không hòa giải được. Như vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh H đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[2] Về con chung: Chị T và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 28/02/2010. Hiện nay cháu H1 đang ở cùng với mẹ, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu như bố mẹ cháu ly hôn. Chị T cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh H cũng không có mặt ở tại địa phương, không có ý kiến của anh H về việc nuôi dưỡng con chính vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không đề nghị Tòa án giải quyết việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ được thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

[3] Về công nợ và tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về công sức và ruộng nông nghiệp: Chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 28/02/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản quyền này.

- Về công nợ; tài sản chung; công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000743 ngày 19/7/2021, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện VL;
- UBND xã LT.
- Chi cục THADS huyện VL;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Lâm

